

Số: 33/2021/QĐST-DS

B, ngày 13 năm 5 năm 2021

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 05 tháng 5 năm 2021 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 291/2021/TLST-DS ngày 01 tháng 4 năm 2021.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 (bảy) ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- **Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Hoàng O**, sinh năm 1967.

Địa chỉ: Số 53, tổ 14, khu phố 5, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- **Bị đơn: Ông Vũ Văn T**, sinh năm 1954.

Bà Nguyễn Thị N, sinh năm 1956.

Cùng địa chỉ: Tổ 11, khu phố T, phường T, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị N phải thanh toán cho bà Nguyễn Thị Hoàng O số tiền nợ gốc là 1.065.102.000 đồng (Một tỷ không trăm sáu mươi lăm triệu một trăm lẻ hai nghìn đồng). Các đương sự không yêu cầu Tòa án tính lãi suất.

Về án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành: Các đương sự mỗi bên phải nộp $\frac{1}{2}$ số tiền án phí dân sự sơ thẩm hòa giải thành. Trong đó: Bà Nguyễn Thị Hoàng O phải nộp số tiền án phí là 10.990.000 đồng, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006752 ngày 28 tháng 9 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố B, bà O đã nộp đủ tiền án phí; Các bị đơn ông Vũ Văn T và bà Nguyễn Thị N phải nộp số tiền án phí là 10.990.000 đồng. Tuy nhiên, ông T và bà N có đơn xin miễn tiền án phí vì là người cao tuổi (theo Điều 2 Luật người cao tuổi) nên ông T và bà N được miễn nộp tiền án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKS ND TP. B;
- Lưu: Hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Hoàng Phương